TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2022

Về việc: Tranh chấp QSDĐ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Oanh.

Ông Đặng Duy Niên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc " Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, số: 05/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, số: 07/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, số: 10/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Vũ Đức V1**, sinh năm 1970 và vợ là chị **Trần Thị T**, sinh năm 1970; đều cư trú tại địa chỉ: Thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. (chị T có mặt, anh V1 vắng mặt)

- Bị đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. (chị H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Đức V1, chị Trần Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:***

Ngày 26 tháng 12 năm 2007, anh chị được UBND huyện V, tỉnh Thái Bình cấp 104m² đất và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng diện tích xây dựng 40m² tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AM 135467, số vào sổ H00257, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 06. Thửa đất có tứ cận: Phía Đông dài 5,9m giáp đường 223 (nay là đường 454). Phía Tây dài 4,4m giáp đất ông M nay là đất chị H. Phía Nam dài 20,9m giáp đất ông H nay là đất hộ ông bà N. Phía Bắc dài 21m giáp đất ông M nay là đất chị H. Nguồn gốc thửa đất trên, anh chị được cụ Vũ Văn Th (sinh năm 1916, chết năm 1988) và cụ Vũ Thị S (sinh năm 1919, chết năm 2001) tặng cho. Quá trình sử dụng nhà đất, anh chị sử dụng ổn định, không lấn chiếm hay tranh chấp với các hộ liền kề.

Đối với thửa đất số 529, tờ bản đồ số 06 tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình là của ông Vũ Công M (sinh năm 1946, chết năm 2008) và bà Trần Thị Th (sinh năm 1946, chết năm 2004). Năm 2004, ông M xây dựng 01 nhà mái bằng 01 tầng và 01 tum. Khi đó, phần đất của anh chị tiếp giáp với phần đất của ông M do chưa có nhu cầu sử dụng nên anh chị để trống và anh chị chỉ quan tâm đến ranh giới đất nền không để ý đến phần khoảng không ông M đã xây dựng trên phần đất của anh chị. Sau khi ông M xây dựng xong nhà, anh chị phát hiện ông M đã làm phần mái hiên phía trước và mi cửa sổ tầng 1 chếch hướng lấn sang phần không gian đất của anh chị (phần giáp ranh phía Bắc). Anh chị đã nói chuyện với ông M, theo đó, thời điểm này (năm 2004) anh chị chưa có nhu cầu sử dụng phần đất trên (khoảng không lấn chiếm) nên anh chị chưa yêu cầu ông M phải tháo dỡ, khi nào anh chị xây dựng công trình mới, cần phải sử dụng đất đến phần

đất trên thì ông M phải tháo dỡ phần hiên, mi đã xây lấn chiếm để trả lại phần khoảng không cho anh chị, ông M đồng ý. Đối với nhà đất trên, khi còn sống, ông M đã làm thủ tục tặng cho chị Vũ Thị H và năm 2008 chị H được UBND huyện V, tỉnh Thái Bình cấp GCNQSDĐ, theo đó, chị H được sử dụng 92m^2 đất và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng diện tích 40m^2.

Năm 2010, anh chị có nhu cầu xây dựng lại nhà nên yêu cầu chị H tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn chiếm trên nhưng chị H không đồng ý, anh chị phải dừng lại việc xây nhà. Năm 2021, anh chị tiếp tục yêu cầu chị H tháo dỡ phần công trình xây dựng đã lấn chiếm nhưng chị H vẫn không nghe. UBND xã V2 hòa giải nhiều lần cũng không có kết quả.

Nay, căn cứ vào kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, anh chị yêu cầu Tòa án tuyên buộc chị H phải tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng lấn chiếm sang phần không gian của anh chị ở thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cụ thể: Phần chồng lấn giữa mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị H giáp với phần mi mái phía Bắc nhà anh chị có diện tích là 0,2 m^2. Phần chồng lấn giữa mi cửa sổ phía Nam nhà chị H giáp với phần mi nhà bằng phía Bắc nhà anh chị có diện tích là 0,1 m^2. Cũng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất nhà anh chị là 101,1m², giảm 2,99m² so với diện tích trong GCNQSDĐ được cấp năm 2007, anh chị không có ý kiến gì về nội dung này, xác định đây là do sai số trong đo đạc, anh chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện đã nêu trên. Về số tiền 4.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ anh chị đã nộp tạm ứng, nay anh chị tự nguyện chịu cả số tiền trên.

**** Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 17 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Vũ Thị H, trình bày***:

Bố đẻ chị là ông Vũ Công M (sinh năm 1946, chết năm 2008). Mẹ đẻ chị là bà Trần Thị Th (sinh năm 1946, chết năm 2004). Khi còn sống, bố mẹ đẻ chị ở tại nhà đất tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Về tổng diện tích đất bố mẹ đẻ chị được sử dụng bao nhiêu, chị không biết chính xác, chị chỉ biết, khi đó trên đất có 01 nhà cấp 4 cũ. Tháng 02 Âm lịch năm 2004, bố đẻ chị và chị phá

nhà cũ, xây dựng mới 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 tum, diện tích sử dụng khoảng 40m² trên thửa đất của gia đình. Trước khi xây dựng lại nhà, gia đình chị có mời địa chính xã và các hộ liền kề đến xác định mốc giới, không ai có ý kiến gì.

Đối với thửa đất của bố mẹ đẻ chị, trước khi chết, bố mẹ đẻ chị đã làm thủ tục tách chia cho các con. Theo đó, chị được tặng cho 01 nhà mái bằng diện tích xây dựng 40m² trên diện tích đất 92m² tại thửa đất số 529, tờ bản đồ số 06 tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình (hiện chị đang sử dụng). Nhà, đất trên đã được UBND huyện V, tỉnh Thái Bình cấp GCNQSDĐ số AM 805107, số vào sổ 336, ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên chị. Quá trình sử dụng nhà đất, chị sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai.

Về phần diện tích đất, tài sản trên đất của hộ gia đình anh V1 chị T, chị được biết nguồn gốc cũng được tặng cho, tuy nhiên, diện tích được sử dụng bao nhiêu, đã được cấp GCNQSDĐ chưa, chị không biết, không quan tâm.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh V1 chị T, quan điểm của chị như sau: Năm 2009, hai gia đình xảy ra tranh chấp, chính quyền địa phương xuống đo đạc thì phần đất phía Tây hộ anh V1 chị T có chiều rộng 9,7m mà theo chị được biết nguồn gốc lịch sử để lại phần đất này chỉ có chiều rộng 8,8m, hộ anh V1 chị T đã bán 05m chiều rộng cho hộ ông bà N, như vậy, theo chị phần đất phía Tây hộ anh V1 chị T chỉ còn lại 3,8m (8,8 - 05), không thể còn lại như theo số liệu xã đo đạc 4,7m (9,7 - 05). Mà nếu đúng như số liệu xã đo đạc thì hộ anh V1 chị T đã lấn chiếm đất của gia đình chị là 0,9m kéo dài 11m, như vậy, phần mái hiên của hộ gia đình chị mới đè lên tường hộ gia đình anh V1 chị T. Và khi gia đình chị xây dựng nhà vào năm 2004, phần đất hộ anh V1 chị T tiếp giáp phần đất phía Bắc nhà bà là phần đất vườn và một số công trình phụ nhỏ. Sau này mới xây dựng thêm các công trình như hiện nay. Do vậy, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V1 chị T. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất nhà chị là 100,8m², tăng 8,08m² so với diện tích trong GCNQSDĐ được cấp năm 2008. Chị cho rằng phần tăng thêm này là do dôi dư trong quá trình sử dụng đất, chị không lấn chiếm, tranh chấp với bất cứ ai.

**** Tại các biên bản xác minh đề ngày 25 tháng 02 năm 2022, ngày 09 tháng 5 năm 2022, đại diện UBND xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Căn cứ phiếu đo đạc năm 1993, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 06, thửa đất anh V1 chị T sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ số AM 135467, số vào sổ H00257 ngày cấp 26 tháng 11 năm 2007, cơ bản khớp nhau về các cạnh đo. Nguồn gốc đất, tài sản trên đất anh V1 chị T được cụ Vũ Văn Th (sinh năm 1916, chết năm 1988) và cụ Vũ Thị S (sinh năm 1919, chết năm 2001) tặng cho. Đến năm 1993 đo đạc bản đồ 241 thì thửa đất trên mang tên anh V1, trừ đường giao thông còn 104 m^2 và đã được cấp GCNQSDĐ. Tứ cận: Phía Đông dài 5,9m giáp đường 454. Phía Tây dài 4,4m giáp nhà ông M (chị H). Phía Nam dài 20,9m giáp nhà ông H. Phía Bắc dài 7,9m + 2,3m + 11m giáp nhà ông M (chị H). Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng diện tích 40m^2. Quá trình sử dụng nhà đất trên, anh V1 chị T sử dụng ổn định, ngoài việc xảy ra tranh chấp với hộ chị H thì không xảy ra tranh chấp với các hộ liền kề.

Về nguồn gốc đất và tài sản trên đất của hộ chị Vũ Thị H: Ông Vũ Công M (sinh năm 1946, chết năm 2008) và bà Trần Thị Th (sinh năm 1946, chết năm 2004) có thửa đất 430m^2 tại thửa đất số 216, tờ bản đồ số 06 tại thôn M, xã V2. Ngày 25 tháng 02 năm 2008, ông M làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho các con. Theo đó, chị H được tặng cho 92m^2 đất tại thửa đất số 529, tờ bản đồ số 06, TL: 1/1000 và đã được UBND huyện V cấp GCNQSD đất AM 805107, số vào sổ H00336, ngày 08 tháng 5 năm 2008 mang tên chị H. Tứ cận: Phía Đông dài 4m giáp ngõ đi chung. Phía Tây dài 14,8m giáp ngõ chung. Phía Nam dài 3,2m giáp nhà ông Lai + 11m giáp nhà anh V1 chị T. Phía Bắc dài 14m giáp ngõ đi chung. Trên thửa đất có 01 nhà mái bằng diện tích 40m^2. Quá trình sử dụng nhà đất, giữa hộ chị H và hộ anh V1 chị T xảy ra tranh chấp liên quan đến phần mái hiên trước và mi cửa sổ giáp ranh.

Theo kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ giữa hộ anh V1 chị T và hộ chị H có sự chênh lệch diện tích đất được cấp theo GCNQSDĐ và diện tích đất

hiện đang sử dụng, cụ thể: Hộ anh V1 chị H giảm 2,9 m². Hộ chị H tăng 8,8 m² . Lý do có sự chênh lệch trên là do sai số trong quá trình đo đạc cấp GCNQSDĐ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về phía chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét, trong quá trình sử dụng đất hộ anh V1 chị T và hộ chị H không có tranh chấp mốc giới với các hộ liền kề, hai bên chỉ tranh chấp về phần công trình xây dựng lấn chiếm phần không gian phía trên.

**** Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và bản trích đo hiện trạng, thể hiện:***

Thửa đất nhà anh V1 chị T (thửa 218, tờ bản đồ số 06, bản đồ 241) có diện tích là 101 m^2, vị trí kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc có kích thước (7,53 + 1,96 + 0,95 + 0,25 + 1,74 + 7,62 + 2,32)m giáp ngõ đi chung vào nhà chị H và thửa đất nhà chị H. Phía Nam có kích thước (18,9 + 1,42)m giáp đất nhà ông bà N. Phía Đông có kích thước 6,01 m giáp đường 454. Phía Tây có kích thước 4,5m giáp nhà chị H.

Thửa đất nhà chị H (thửa 529, tờ bản đồ số 06, bản đồ 241) có diện tích là 100,8 m^2, vị trí kích thước cụ thể: Phía Bắc có kích thước (12,18 + 1,44)m giáp ngõ đi chung; Phía Nam có kích thước (7,62 + 2,32)m giáp đất nhà anh V1 chị T và 3,56m giáp đất nhà ông Lai. Phía Đông có kích thước 4,07m giáp ngõ đi chung và 4,5m giáp đất nhà anh V1 chị T. Phía Tây có kích thước 14,8m giáp ngõ đi chung.

Phần giáp ranh giữa nhà chị H và nhà anh V1 chị T được xác định có hai phần xây dựng chồng lấn đan xen nhau được đánh ký hiệu S1, S2, trong đó: Phần S1 là phần diện tích chồng lấn giữa mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị H giáp với phần mi mái phía Bắc nhà anh V1 chị T, qua đo đạc thực tế có diện tích là 0,2 m^2. Phần S2 là phần diện tích chồng lấn giữa mi cửa sổ phía Nam nhà chị H giáp với phần mi nhà mái bằng phía Bắc nhà anh V1 chị T, qua đo đạc thực tế có diện tích là 0,1 m^2.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Các đương sự chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 11, 169, 174, 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 170 Luật đất đai: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị H phải tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng lấn chiếm sang phần không gian của anh V1 chị T ở thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cụ thể: Phần chồng lấn giữa mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị H giáp với phần mi mái phía Bắc nhà anh V1 chị T có diện tích là 0,2 m^2. Phần chồng lấn giữa mi cửa sổ phía Nam nhà chị H giáp với phần mi nhà bằng phía Bắc nhà anh V1 chị T có diện tích là 0,1 m^2. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu chị Vũ Thị H phải tháo dỡ phần ban công và mi cửa xây lấn chiếm sang phần không gian phía trên diện tích đất của anh chị. Chị H có nơi cư trú tại xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 16 tháng 8 năm 2022, anh Vũ Đức V1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh V1.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T đang sinh sống trên thửa đất số 218, tờ bản đồ số 06 tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình, được cấp GCNQSDĐ ngày 26 tháng 11 năm 2007. Phía Bắc thửa đất nhà anh V1 chị T giáp với thửa đất số 529, tờ bản đồ số 06 của nhà chị Vũ Thị H, được cấp GCNQSDĐ ngày 08 tháng 5 năm 2008. Quá trình sử dụng đất, anh V1 chị T và chị H đều đã xây nhà kiên cố. Anh V1 chị T cho rằng, phần ban công phía trước và phần mi cửa sổ nhà chị H giáp nhà anh chị đã lấn sang phần không gian phía trên nhà anh chị, vì vậy, anh chị khởi kiện yêu cầu chị H phải tháo dỡ phần công trình xây dựng đã lấn chiếm đó. Chị H cho rằng, hộ anh V1 chị T đã lấn chiếm đất của gia đình chị nên phần mái hiên của hộ gia đình chị mới đè lên tường hộ anh V1 chị T, vì vậy chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1.2] Xét ý kiến của chị H về việc hộ anh V1 chị T lấn chiếm đất của gia đình chị, thấy: Chị H cho rằng phần đất phía Tây hộ anh V1 chị T có chiều rộng 9,7m mà theo chị được biết nguồn gốc lịch sử để lại phần đất này chỉ có chiều rộng là 8,8m, hộ anh V1 chị T đã bán 05m chiều rộng cho hộ ông bà N, như vậy, theo chị phần đất phía Tây hộ anh V1 chị T còn lại 3,8m (8,8 - 05) không thể còn lại như theo số liệu xã đo đạc khi giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình là 4,7m (9,7 - 05). Mà nếu đúng như số liệu xã đo đạc thì hộ anh V1 chị T đã lấn chiếm đất của gia đình chị 0,9m (4,7 - 3,8) kéo dài 11m. Tuy nhiên, GCNQSDĐ của nhà anh V1 chị T thể hiện phần ranh giới phía Tây hộ anh V1 chị T giáp nhà chị H có kích thước là 4,4m, còn theo kết quả thẩm định hiện tại là 4,5m (phần đang có tranh chấp giữa hai hộ gia đình vẫn là 4,4m), không phải là 3,8m như chị H đã trình bày. Mặt khác, GCNQSDĐ nhà anh V1 chị T được cấp năm 2007, trước 01

năm khi đất nhà chị H được cấp GCNQSDĐ vào năm 2008. Vì vậy, không có căn cứ cho rằng anh V1 chị T đã lấn chiếm đất nhà chị H như chị đã trình bày trên.

[2.1.3] Xét kết quả xác minh tại địa phương, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thấy: Gia đình anh V1 chị T và gia đình chị H sử dụng đất ổn định từ trước đến nay, quá trình sử dụng không có tranh chấp, lấn chiếm với các hộ liền kề. Khi UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hai hộ gia đình không xảy ra bất cứ khiếu nại gì. Phần ranh giới tiếp giáp giữa nhà anh V1 chị T và nhà chị H cũng đã được xây dựng tường kiên cố. Theo kết quả đo đạc, diện tích đất nhà anh V1 chị T bị giảm 2,99 m², diện đất nhà chị H tăng 8,08m² so với diện tích trong GCNQSDĐ đã được cấp, các bên đương sự và chính quyền địa phương đều xác định đây là sai số trong đo đạc, không ai có ý kiến gì. Từ những căn cứ trên, xác định mốc giới liền kề giữa hai hộ gia đình anh V1 chị T và chị H được duy trì ổn định, không bị thay đổi, lấn chiếm. Căn cứ vào mốc giới trên, khi tiến hành đo đạc lên phần không gian phía trên thì kết quả thẩm định cho thấy mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị H đã chồng lấn với phần mi mái phía Bắc nhà anh V1 chị T, qua đo đạc thực tế có diện tích là 0,2 m^2 ; phần mi cửa sổ phía Nam nhà chị H đã chồng lấn sang phần mi nhà mái bằng phía Bắc nhà anh V1 chị T, qua đo đạc thực tế có diện tích là 0,1 m^2. Vì vậy, việc anh V1 chị T cho rằng, phần ban công phía trước và phần mi cửa sổ nhà chị H giáp nhà anh chị đã lấn sang phần không gian phía trên nhà anh chị là có căn cứ.

[2.1.4] Từ nhận định trên, căn cứ vào Điều 169, Điều 174, Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 170 Luật đất đai, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh V1 chị T, buộc chị H phải tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng lấn chiếm sang phần không gian của anh V1 chị T ở thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cụ thể: Phần S1: Phần chồng lấn giữa mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị H giáp với phần mi mái phía Bắc nhà anh V1 chị T có diện tích là 0,2m2, được giới hạn bởi các điểm ABCD, có kích thước: Từ điểm A đến điểm B dài 0,25m. Từ điểm B đến điểm C dài 1,35m. Từ điểm C đến điểm D dài 0,07m. Từ điểm D đến điểm A dài 1,36m. Phần S2: Phần chồng lấn giữa mi cửa sổ phía Nam

nhà chị H giáp với phần mi nhà bằng phía Bắc nhà anh V1 chị T có diện tích là 0,1m2, được giới hạn bởi các điểm EFGH, kích thước cụ thể: Từ điểm E đến điểm F dài 0,07m. Từ điểm F đến điểm G dài 1,36m. Từ điểm G đến điểm H dài 0,07m. Từ điểm H đến điểm E dài 1,36m. (Có sơ đồ kèm theo)

[2.4] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 4.800.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền trên, do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật, số tiền là 300.000 đồng.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 169, Điều 174, Điều 175 Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T.

2. Buộc chị Vũ Thị H phải tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng lấn chiếm sang phần không gian của hộ gia đình anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T tại thôn M, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

- Phần S1: Phần chồng lấn giữa mái hiên (ban công) phía Nam nhà chị Vũ Thị H giáp với phần mi mái phía Bắc nhà anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T có diện tích là 0,2m^2, được giới hạn bởi các điểm ABCD, kích thước cụ thể: Từ điểm

A đến điểm B dài 0,25m. Từ điểm B đến điểm C dài 1,35m. Từ điểm C đến điểm D dài 0,07m. Từ điểm D đến điểm A dài 1,36m.

- Phần S2: Phần chồng lấn giữa mi cửa sổ phía Nam nhà chị Vũ Thị H giáp với phần mi nhà bằng phía Bắc nhà anh Vũ Đức V1 và chị Trần Thị T có diện tích là 0,1m^2, được giới hạn bởi các điểm EFGH, kích thước cụ thể: Từ điểm E đến điểm F dài 0,07m. Từ điểm F đến điểm G dài 1,36m. Từ điểm G đến điểm H dài 0,07m. Từ điểm H đến điểm E dài 1,36m.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại anh Vũ Đức V1, chị Trần Thị T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0000962 ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 9 năm 2022). Anh Vũ Đức V1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương